VJE Tạp chí Giáo dục (2026), 26(20), 108-114 ISSN: 2354-0753

CÁC ĐẶC ĐIỂM TÂM TRẮC CỦA THANG ĐO CẢM NHẬN LÒNG TRẮC ẨN Ở CHA MẸ (PPCS)

PSYCHOMETRIC PROPERTIES OF THE PERCEIVED PARENTAL COMPASSION SCALE (PPCS)

Lê Thị Huyền Trang,
Đỗ Thị Oanh[+]

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
+ Tác giả liên hệ ● Email: tcimyoanh@gmail.com

Article history
Received: 12/8/2026
Accepted: 10/9/2026
Published: 20/10/2026

Keywords
Parental compassion, psychometric properties, children's perception, scale

ABSTRACT
Given the lack of tools to measure parental compassion from the child's perspective, this study aimed to develop and evaluate the initial psychometric properties of a scale suitable for the Vietnamese cultural context: the Perceived Parental Compassion Scale. A qualitative approach was used to gather input from three psychologists, followed by a quantitative survey of 585 children aged 12-16 in rural Northern Vietnam. Exploratory and confirmatory factor analyses were then conducted to validate the scale. Starting with 24 items organized into three factors, the combined qualitative and quantitative findings resulted in a two-factor structure: "openness to the child's suffering" and "effort to alleviate the child's suffering." The final scale comprises 13 items for fathers and 12 items for mothers. This tool enables the separate assessment of children's perceptions of their parents' compassion. The scale demonstrated satisfactory psychometric properties regarding reliability and validity; thus, the Perceived Parental Compassion Scale is a promising tool for future research. Practical implications regarding the scale's application and recommendations for future studies are also discussed.

1. Mở đầu

Những năm gần đây, lòng trắc ẩn (LTÂ) ngày càng nhận được sự quan tâm trong nghiên cứu do được xem là yếu tố góp phần giảm thiểu các vấn đề về sức khỏe thể chất và tâm thần, thúc đẩy hạnh phúc, củng cố các mối quan hệ xã hội (Gilbert và cộng sự, 2017; Kirby, 2025). LTÂ là một khái niệm có lịch sử lâu đời, xuất hiện trong nhiều truyền thống tâm linh và đạo đức từ hàng nghìn năm trước (Gilbert và cộng sự, 2017). Theo Dalai Lama, "LTÂ" là sự cởi mở với đau khổ của người khác với cam kết làm giảm đi đau khổ đó (dẫn theo Kariyawasam và cộng sự, 2021; Muris và cộng sự, 2022; Strauss và cộng sự, 2016). Tương tự, Gilbert và cộng sự (2017) cho rằng "LTÂ" thể hiện sự nhạy cảm với nỗi đau của cá nhân và của người khác, cố gắng xóa bỏ và ngăn ngừa nó. Có ba dòng chảy về LTÂ: LTÂ với người khác, lòng tự trắc ẩn với bản thân và cảm nhận LTÂ từ người khác (Gilbert và cộng sự, 2017). Cảm nhận LTÂ từ người khác đề cập đến trải nghiệm của chúng ta về LTÂ từ những người xung quanh, dù chúng ta cảm thấy họ hỗ trợ và có năng lực về LTÂ hay không (Gilbert và cộng sự, 2011; Gilbert và cộng sự, 2017).

Đa phần các thang đo hiện nay đều tập trung quan sát LTÂ của cá nhân dành cho người khác và lòng tự trắc ẩn của cá nhân đối với bản thân. Tuy vậy, việc đo lường cảm nhận LTÂ từ người khác cũng bắt đầu được một số nghiên cứu quan tâm. Thang đo gắn kết và hành động trắc ẩn (The compassionate engagement and action scales - CEAS) (Gilbert và cộng sự, 2017) là một công cụ tự báo cáo để đo ba dòng chảy về LTÂ, trong đó có tiểu thang đo cảm nhận LTÂ từ người khác. Tuy nhiên, tiểu thang này có số mục nhỏ (04 mục) và dùng cho sinh viên báo cáo về cảm nhận LTÂ từ người khác bất kì chứ không phải tập trung đo vào những người trực tiếp chăm sóc trẻ. Thang cảm nhận của vận động viên về LTÂ của huấn luyện viên (The Compassionate Coach Scale as Perceived by the Athlete - CCS-PA) (Oliveira và cộng sự, 2022) phát triển để đo trên người lớn trong lĩnh vực thể thao chứ không phải trong gia đình. Thang đo cảm nhận LTÂ (Perceived Compassion Scale - PCS) (Metin và cộng sự, 2025) dùng cho người trưởng thành báo cáo về LTÂ từ người khác trên các khía cạnh lòng tin, tình cảm và lòng tốt. Thang đo LTÂ được cảm nhận trong chăm sóc điều dưỡng (The scale of perceived compassion in nursing care - PCNC) (Erden và cộng sự, 2025) dùng cho các bệnh nhân trưởng thành báo cáo về cán bộ điều dưỡng. Thang đo chăm sóc với LTÂ của trung tâm Schwartz (The Schwartz Center Compassionate Care Scale™) (Lown và cộng sự, 2015) dùng cho bệnh nhân báo cáo về cảm nhận của họ với LTÂ của bác sĩ. Các công cụ chủ yếu được xây dựng để đo cảm nhận LTÂ

với đối tượng khảo sát là người trưởng thành và chưa có thang đo cảm nhận LTÂ dành cho trẻ em hoặc đo cảm nhận của con về LTÂ của cha mẹ. Đây là một "khoảng trống" có thể thực hiện một nghiên cứu.

Lí do để phát triển thang đo về cảm nhận LTÂ ở cha mẹ còn bởi có thông tin cho thấy lòng tự trắc ẩn của cha mẹ có liên quan đến sức khỏe tâm thần của con. Lòng tự trắc ẩn của người cha dự đoán đáng kể khả năng điều hòa cảm xúc của trẻ theo đánh giá của người mẹ, trong khi điều này không xảy ra giữa tự trắc ẩn của người mẹ và khả năng điều hòa cảm xúc của trẻ theo đánh giá của người cha (Acar và Yalçıntaş, 2026). Việc cha mẹ thiếu trắc ẩn gây hại cho sự phát triển về cảm xúc, tâm lí và xã hội của đứa trẻ; điều này lại dẫn đến lòng tự trọng thấp, cảm nhận bất an, sự giận dữ và các cảm xúc bị dồn nén ở trẻ; trẻ có thể trở nên không vâng lời, mất gắn kết, có thể mắc lo âu, trầm cảm, stress trường diễn và có thể tìm đến dùng ma túy hoặc đồ uống có cồn (Gopika và cộng sự, 2025). Trị liệu tập trung vào LTÂ của cha mẹ giúp giảm sự hung hăng, hành vi có vấn đề và lo âu ở con cái (Abdolali và cộng sự, 2020).

Khi cha mẹ thể hiện LTÂ trong cách ứng xử với con cái, họ tạo ra những trải nghiệm giúp trẻ quan sát, nhận diện và dần hình thành cách phản ứng trước đau khổ của bản thân và người khác. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cho thấy mức độ thể hiện LTÂ có sự khác biệt theo giới, trong đó phụ nữ thường có mức độ thấu cảm và LTÂ cao hơn nam giới (McDonald và Kanske, 2023). Phụ nữ cũng thể hiện sự nhân đạo chung, chú tâm và lòng tốt cao hơn so với nam giới trưởng thành, còn nam giới cao hơn ở phụ nữ về thiếu kết nối, thờ ơ, xa cách (Sousa và cộng sự, 2017). Song có phải thực sự là phụ nữ giàu LTÂ hơn và nam giới chỉ thể hiện sự tiêu cực của LTÂ hay là họ chỉ đang thể hiện các khía cạnh khác nhau của LTÂ? Chúng ta biết rằng phụ nữ và nam giới khác nhau về mặt sinh lí, hoạt động chức năng xã hội và xu hướng hoạt động. Đối với các thang đo về cha mẹ nói chung, các nghiên cứu trước đây khi thực hiện so sánh giữa hai giới thường dùng chung các mục đo. Trong khi các mục đo này có thể vô tình tạo ra sự thiên vị khi một giới nào đó có những đặc điểm phù hợp với chủ đề cần đo. Trong trường hợp LTÂ, phụ nữ có thể có lợi thế hơn nhờ thiên chức mang thai và sinh con, sự phân công xã hội khiến họ dành nhiều thời gian cuộc đời ở bên con, nên họ cũng dễ cởi mở và thấu hiểu với đau khổ của con hơn. Trong khi nam giới đại diện cho sức mạnh thể chất, bảo vệ gia đình khỏi những rủi ro từ bên ngoài và phân công xã hội khiến hoạt động của họ hướng ra ngoài hơn là con cái, nên việc cởi mở và thấu hiểu đau khổ của con có thể là một khó khăn với người cha. Song điều đó không đủ và không nên khẳng định là người cha ít trắc ẩn và tiêu cực hơn người mẹ. Một chiều cạnh khác cần phải xem xét khi đo lường yếu tố tâm lí của một chủ thể (chủ thể thực hiện) qua cảm nhận của chủ thể khác là nhận thức chủ quan của chủ thể khác (chủ thể cảm nhận). Khi nghiên cứu về cảm nhận của trẻ về phong cách làm cha mẹ, kết quả cho thấy các bà mẹ được trẻ cho rằng là có nhiều quyền lực, độc đoán và nuông chiều hơn so với cha và các bé trai nhận thức cha mẹ mình độc đoán và nuông chiều hơn các bé gái (Olivari và cộng sự, 2015). Do đó, đo lường cảm nhận của con đối với LTÂ ở cha mẹ nên xem xét đến 03 yếu tố: bối cảnh đau khổ của con, sự thể hiện LTÂ của cha mẹ đối với con (chủ yếu qua hành vi) và con nhận thức được sự thể hiện đó, cho dù đứa trẻ có hiểu đó là LTÂ của cha mẹ hay không. Điều này có thể hữu dụng cho các nghiên cứu trong tương lai tìm hiểu ra những khía cạnh sâu hơn liên quan tới sức khỏe tâm thần của trẻ.

Trong nghiên cứu này, định nghĩa về cảm nhận LTÂ ở cha mẹ được xây dựng dựa trên cách tiếp cận của Dalai Lama (dẫn theo Kariyawasam và cộng sự, 2021; Muris và cộng sự, 2022; Strauss và cộng sự, 2016) và Gilbert và cộng sự (2017), cảm nhận LTÂ ở cha mẹ được hiểu là cách con nhận biết và diễn giải về cha mẹ cởi mở với đau khổ của con và nỗ lực giúp con xóa bỏ, ngăn chặn đau khổ của con.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đây là nghiên cứu kết hợp giữa định tính và định lượng nhằm phát triển cấu trúc đo lường về cảm nhận LTÂ ở cha mẹ do con báo cáo và kiểm định độ hiệu lực và độ tin cậy của cấu trúc đó trên một mẫu lớn. Quy trình phát triển thang đo bắt đầu bằng việc xây dựng 03 nhân tố với 24 mục hỏi dựa trên khái niệm về cảm nhận LTÂ ở cha mẹ. Trong giai đoạn nghiên cứu định tính tiếp theo, 05 nhà tâm lí có 10 năm kinh nghiệm trở lên về tham vấn, trị liệu, giảng dạy tâm lí được mời để góp ý cấu trúc thang đo và các mục đo, trong đó có 03 nhà tâm lí đồng ý hồi đáp qua email. Sau khi phân tích và tiếp thu ý kiến chuyên gia, thang đo được điều chỉnh còn 02 nhân tố với 16 mục đo. Ở giai đoạn nghiên cứu định lượng, nghiên cứu mời trẻ là HS độ tuổi từ 12-16 tại 02 trường THCS khu vực nông thôn ở Hà Nội và Phú Thọ, theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng, tham gia trả lời phiếu khảo sát trực tiếp. Nghiên cứu tuân thủ các quy tắc về đạo đức bao gồm việc lấy sự đồng ý tham gia nghiên cứu của trẻ và người chăm sóc, quyền tự do rút khỏi nghiên cứu, bảo vệ bí mật thông tin. Đặc điểm mẫu được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Tiêu chí		Toàn mẫu	Mẫu EFA	Mẫu CFA	Tiêu chí		Toàn mẫu	Mẫu EFA	Mẫu CFA
Năm sinh	2010	0,5	0,3	0,7	Giới tính	Nam	47,3	47,9	46,7
	2011	24,1	23,6	24,6		Nữ	52,7	52,1	53,3

	2012	22,2	21,2	23,2	Đang sống với ai?	Bố và mẹ	82,2	80,6	83,8
	2013	22,2	20,5	23,9		Chỉ với mẹ	4,1	4,5	3,8
	2014	30,9	34,2	27,6		Chỉ với bố	2,6	1,4	3,8
						Chỉ với người thân khác	11,0	13,5	8,6

Ở giai đoạn xử lí dữ liệu và phân tích, tổng số 585 phiếu trả lời từ những người đồng ý tham gia nghiên cứu được đưa vào phân tích có cả những dữ liệu khuyết dạng MCAR và MAR sau khi kiểm định bằng Little's MCAR Test. Do đó, để tối ưu nhất, nghiên cứu lựa chọn phương pháp điền đa khuyết (multiple imputation) để áp dụng cho cả hai dạng dữ liệu này dưới giả định MAR. Sau đó, phương pháp phân đôi ngẫu nhiên dữ liệu bằng SPSS để phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích nhân tố khẳng định (CFA) nhằm kiểm định tính bất biến đo lường. Phần mềm SPSS 26 được áp dụng để phân tích nhân tố khám phá và phần mềm AMOS 24 được sử dụng để phân tích nhân tố khẳng định.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Xây dựng các mục đo lường với các khía cạnh của cảm nhận lòng trắc ẩn ở cha mẹ

Dựa trên phân tích các khía cạnh về LTÂ đã được xác định trong cơ sở lí luận, cấu trúc một thang đo ban đầu được xác định gồm 03 yếu tố với 24 câu. Trong đó, yếu tố thứ nhất để đo lường về sự cởi mở với nỗi đau; yếu tố thứ hai để đo lường về sự nỗ lực giảm nỗi đau; yếu tố thứ ba để đo lường về phản ứng cảm xúc của con khi cảm nhận LTÂ. Sau đó, các nhà tâm lí được mời đánh giá về thang đo. Các câu hỏi tập trung chủ yếu vào cấu trúc của khái niệm để từ đó phát triển cấu trúc thang đo và cách diễn đạt trong các mục đo. Có 03 nhà tâm lí (P1, P2, P3) đã trả lời trong thời hạn yêu cầu. Nhìn chung, 03 nhà tâm lí đánh giá rằng thang đo đã phản ánh được những điểm cốt lõi nhất của khái niệm được chọn làm cơ sở lí thuyết, song không nên giữ lại yếu tố thứ ba. Bởi vì yếu tố thứ ba chỉ phù hợp để đo trải nghiệm cảm xúc của con với hành vi trắc ẩn của cha mẹ (P2), ví dụ như mục *"em cảm thấy xúc động và ấm áp vì họ đã ở bên em lúc khó khăn" hay "em cảm thấy mình mạnh mẽ và tự tin hơn trước khó khăn nhờ có họ"* trong khi cảm nhận về LTÂ ở cha mẹ tập trung vào nhận thức. Về cách diễn đạt, ngôn từ để thể hiện nội hàm của các mục, các nhà tâm lí đưa ra góp ý về từ ngữ để phù hợp hơn với việc tiếp nhận của trẻ em lứa tuổi 12-16. Chỉ riêng một câu hỏi được diễn đạt dưới dạng khẳng định tiêu cực (cần phải đảo điểm ở câu trả lời khi xử lí dữ liệu) được nhà tâm lí P3 đề xuất loại bỏ hoặc thay thế bằng một câu hỏi được diễn đạt theo lối tích cực vì nếu giữ lại trong thang đo, nó có thể tạo ra *"hiệu ứng phương pháp và làm giảm ổn định nhân tố"*. Sau giai đoạn này, thang đo được tiếp tục chỉnh sửa và cuối cùng còn lại 16 mục với giả định 02 nhân tố "cởi mở với nỗi đau" (BA1-BA8, MA1-MA8) và "nỗ lực làm giảm đau khổ" (BB1-BB8, MB1-MB8) được đưa vào khảo sát định lượng (bảng 2).

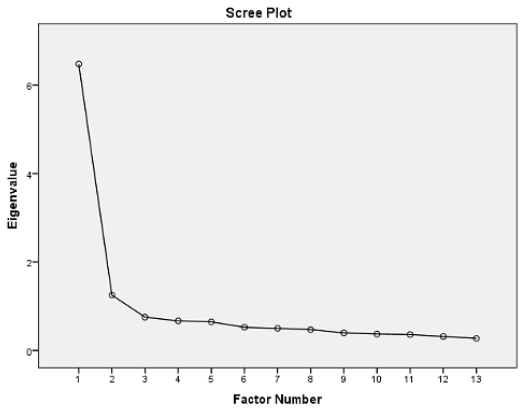
Bảng 2. Các mục hỏi của thang đo Cảm nhận LTÂ ở cha mẹ (PPCS)

Mã (Cha/Mẹ)	Mục đo	Mã (Cha/Mẹ)	Mục đo
Nhân tố 1: Sự cởi mở với đau khổ của con (CỞI MỞ)		**Nhân tố 2: Sự nỗ lực để ngăn chặn hoặc giảm nhẹ nỗi đau của con (NỖ LỰC)**	
BA1/MA1	thấu hiểu được vì sao em đau khổ	BB1/MB1	ở bên em hoặc kết nối với em qua phương tiện điện tử
BA2/MA2	để cho em được thể hiện nỗi buồn…	BB2/MB2	có thể nghỉ làm việc để quan tâm và chăm sóc một cách trọn vẹn cho em
BA3/MA3	lắng nghe và chấp nhận những điều em nói ra trong lúc đau khổ	BB3/MB3	bình tĩnh chỉ dẫn cho em những điều em cần làm để vượt qua đau khổ
BA4/MA4	chia sẻ rằng họ cũng buồn khi em đau khổ	BB4/MB4	dành toàn bộ thời gian và sức lực có thể để cùng với em giải quyết vấn đề…
BA5/MA5	tạo ra bầu không khí an toàn để em có thể bộc lộ đau khổ	BB5/MB5	dù mệt mỏi hoặc bận rộn, vẫn dành thời gian giúp em
BA6/MA6	cố gắng tìm hiểu nỗi đau khổ của em khi em chưa thể nói ra	BB6/MB6	kiên nhẫn và động viên em vượt qua khó khăn khi em muốn bỏ cuộc
BA7/MA7	làm những điều để em biết mình vẫn được yêu thương và che chở	BB7/MB7	tìm cách làm hòa hoặc xin lỗi cho những điều không phù hợp đã làm với em
BA8/MA8	bao dung và tha thứ khi em thể hiện hối hận về một (một số) hành động đã làm	BB8/MB8	có những biện pháp khác thay vì trừng phạt để em nhận ra sai lầm, thiếu sót

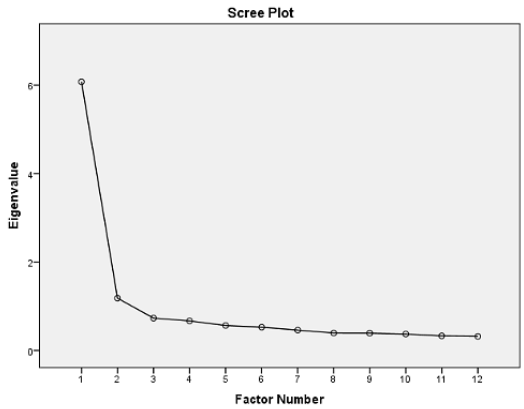
3.2. Kiểm định hệ số tâm trắc của thang đo

3.2.1. Phân tích nhân tố khám phá

Để thăm dò cấu trúc nhân tố của thang đo có đúng như giả thuyết hay không, một nửa mẫu nghiên cứu (N = 292) được tách ra ngẫu nhiên để đưa vào phân tích nhân tố khám phá với phép trích Principal Axis Factoring và phép xoay Promax đối với cả dữ liệu về cha và về mẹ riêng biệt.



Kết quả phân tích dữ liệu về cha



Kết quả phân tích dữ liệu về mẹ

Biểu đồ 1. Đường chân đồi trong phân tích nhân tố khám phá

Các đòi hỏi đối với cấu trúc nhân tố hợp lệ gồm: 0,5 ≤ KMO ≤ 1 và ý nghĩa thống kê của kiểm định Bartlett p < 0,05 (Hair và cộng sự, 2019; Kaiser, 1974). Hệ số tải nhân tố được chọn là 0,5 trở lên trong bảng ma trận thành phần xoay theo đề xuất của Hair và cộng sự (2019), Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) để xác định ý nghĩa thực tiễn. Phép trích được thực hiện với giá trị Eigenvalue lớn hơn 1 và không cố định số nhân tố.

Kết quả chạy phân tích nhân tố khám phá trong những lần đầu tiên cho thấy có 03 mục BA6, BA8, BB1 không tải về nhân tố nào ở dữ liệu về cha và 4 mục MA2, MA7, MA8, MB1 không tải về nhân tố nào ở dữ liệu về mẹ. Do đó, những mục trên được loại bỏ và các phép phân tích nhân tố khám phá được thực hiện với các mục còn lại để kiểm tra sự phù hợp của mô hình. Kết quả phân tích ở lần thứ ba cho thấy, cấu trúc 02 nhân tố thể hiện ở phần dữ liệu về cha có trị số KMO = 0,937; kiểm định Bartlett χ^2 = 1860,455 với p < 0,001; hệ số Eigenvalue = 6,478 (nhân tố 1) và 1,251 (nhân tố 2); tổng phương sai trích là 52,3%. Ở phần dữ liệu về mẹ, trị số KMO = 0,932; kiểm định Bartlett χ^2 = 1676,190 và p < 0,001; hệ số Eigenvalue = 6,077 (nhân tố 1) và 1,180 (nhân tố 2); tổng phương sai trích xoay là 52,677%. Biểu đồ đường chân đồi, hệ số tải trong ma trận xoay cũng cho thấy chỉ có hai nhân tố. Hệ số Cronbach's Alpha cho thấy sự ổn định nội bộ của thang đo và các tiểu thang đo. Điều này cho thấy cấu trúc nhân tố của thang đo đều phù hợp tiêu chí ở cả dữ liệu về cha và về mẹ. Hệ số tải của từng biến quan sát trên các biến tiềm ẩn Cha cởi mở, Cha nỗ lực, Mẹ cởi mở, Mẹ nỗ lực và độ tin cậy của bộ dữ liệu đầu tiên được thể hiện qua Bảng 3. Mục BA7 theo dự định tải về nhân tố Cha cởi mở nhưng thực tế phân tích cho thấy BA7 thuộc về Cha nỗ lực. Phân tích nhân tố khám phá đã phần nào chứng minh được giả thuyết về các nhân tố trong thang đo cảm nhận LTA ở cha mẹ. Các mục được sử dụng đều đã hoạt động tốt ngay cả khi tách ra đo riêng rẽ từng người.

Bảng 3. Ma trận nhân tố xoay và độ tin cậy

Mục	Nhân tố		Cronbach's Alpha		Mục	Nhân tố		Cronbach's Alpha	
	Cha nỗ lực	Cha cởi mở				Mẹ nỗ lực	Mẹ cởi mở		
BB2	0,679		0,896	0,914	MB2	0,713		0,874	0,910
BB3	0,569				MB3	0,562			
BB4	0,691				MB4	0,726			
BB5	0,921				MB5	0,781			
BB6	0,768				MB6	0,698			
BB7	0,604				MB7	0,637			
BB8	0,635				MB8	0,640			
BA7	0,553								
BA1		0,707	0,831		MA1		0,784	0,854	
BA2		0,592							
BA3		0,834			MA3		0,860		
BA4		0,641			MA4		0,604		
BA5		0,699			MA5		0,651		
					MA6		0,570		

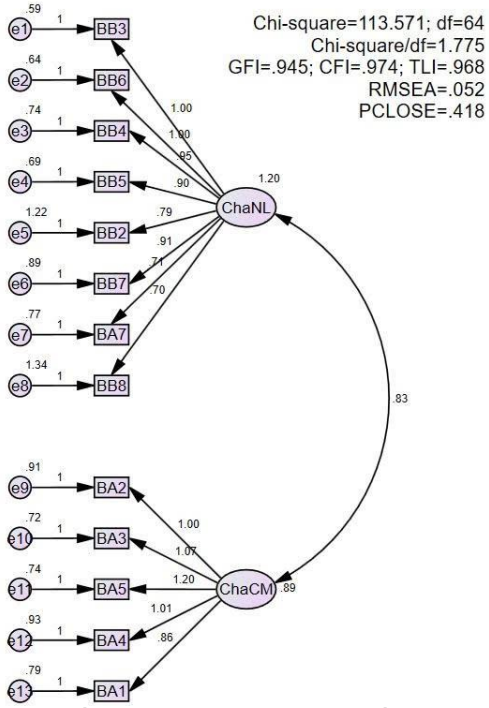
3.2.2. Phân tích nhân tố khẳng định

Để xác định cấu trúc của thang đo có phù hợp mô hình theo tiêu chuẩn thống kê hay không, phân tích nhân tố khẳng định được thực hiện trên phần mềm AMOS 24, đối với một nửa mẫu ngẫu nhiên còn lại (N = 293). Phân tích sẽ cho

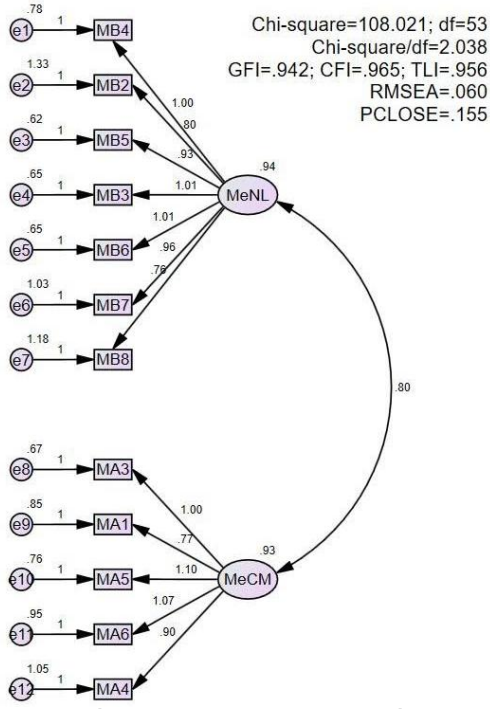
biết về nội bộ của nhân tố và quan hệ giữa các nhân tố trong thang đo như thế nào. Kết quả cho thấy các chỉ số đánh giá độ phù hợp của mô hình (Sơ đồ 1a và 1b) đều ở mức tốt đến rất tốt tiêu chí theo đề xuất của Hu và Bentler (1999).

Bảng 4. Độ tin cậy, tính hội tụ và tính phân biệt giữa các nhân tố trong thang đo

		Dữ liệu về cha			Dữ liệu về mẹ		
		PPCS cha	Cha cởi mở	Cha nỗ lực	PPCS mẹ	Mẹ cởi mở	Mẹ nỗ lực
Độ tin cậy tổng hợp	Cronbach's Alpha	0,920	0,850	0,892	0,906	0,833	0,865
	Tổng hợp		0,893	0,915		0,882	0,896
Phương sai trích trung bình (AVE)			0,625	0,575		0,600	0,555
Tương quan giữa các nhân tố			0,717			0,737	
$\sqrt{AVE}$			0,791	0,758		0,775	0,745



Sơ đồ 1a. Mô hình CFA dữ liệu về cha



Sơ đồ 1b. Mô hình CFA dữ liệu về mẹ

Để xem xét mức độ giải thích của biến quan sát lên các nhân tố có phù hợp với đề xuất của Hair và cộng sự (2019), trọng số tác động của tất cả các biến quan sát được kiểm tra cho thấy đều có mức ý nghĩa $p < 0,001$ và trọng số tác động chuẩn hóa đều lớn hơn 0,5 (Bảng 5). Do đó, việc giữ lại tất cả các mục hỏi này đều được chấp nhận.

Bảng 5. Trọng số tác động chuẩn hóa của biến quan sát lên các nhân tố

	Trọng số		Trọng số		Trọng số		Trọng số
BB3← ChaNL	0,819	BA2←ChaCM	0,704	MB4←MeNL	0,739	MA3←MeCM	0,763
BB6← ChaNL	0,808	BA3←ChaCM	0,767	MB2←MeNL	0,559	MA1←MeCM	0,628
BB4← ChaNL	0,770	BA5←ChaCM	0,795	MB5←MeNL	0,754	MA5←MeCM	0,773
BB5← ChaNL	0,765	BA4←ChaCM	0,703	MB3←MeNL	0,773	MA6←MeCM	0,728
BB2← ChaNL	0,617	BA1←ChaCM	0,674	MB6←MeNL	0,772	MA4←MeCM	0,645
BB7← ChaNL	0,728			MB7←MeNL	0,677		
BA7← ChaNL	0,662			MB8←MeNL	0,560		
BB8← ChaNL	0,552						

Ghi chú: ChaNL = Cha nỗ lực, ChaCM = Cha cởi mở, MeNL = Mẹ nỗ lực, MeCM = Mẹ cởi mở

3.3. Thảo luận về kết quả

Mục tiêu của nghiên cứu này là xây dựng và kiểm tra đặc điểm tâm trắc của Thang đo cảm nhận LTÂ ở cha mẹ cho trẻ em Việt Nam (PPCS). Từ 24 mục ban đầu của 03 nhân tố, kết quả phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định ủng hộ 2 nhân tố cởi mở với nỗi đau của con và nỗ lực giảm nỗi đau cho con trên cả dữ liệu của cha và của mẹ, đáp ứng tốt các tiêu chí về mặt thống kê như độ tin cậy, độ hội tụ và các giá trị phân biệt. Thang đo cho phép thu thập riêng cảm nhận của con về LTÂ của cha và mẹ. Do đó, thang đo này có tiềm năng đo lường chuyên

sâu vào chủ đề LTÂ và mối quan hệ trong gia đình. Thang đo cũng có tiềm năng để nghiên cứu về các hành vi văn hóa có quy mô lớn phục vụ cho mục đích giáo dục và sức khỏe tâm thần.

Trong những mục bị loại do hệ số tải thấp có mục BA8/MA8. Mục này dường như nghiêng về đo lường kỉ luật tích cực, mặc dù ngôn ngữ bề mặt thể hiện LTÂ. Ngoài ra, ngữ cảnh "đau khổ" đã bị pha trộn với ngữ cảnh "phạm lỗi" khiến việc trả lời mục này bị phân tán. Mục BB1/MB1 cũng không hội tụ vào nhân tố nào, dù ý tưởng đo lường cha mẹ nỗ lực kết nối theo các cách khác nhau để giảm đau khổ cho con. Thực tế, có thể cha mẹ sử dụng hoạt động này như để kiểm soát trẻ, hoặc khác biệt ở phong cách giao tiếp giữa các thế hệ khiến cha mẹ ở bên con cũng không khiến con thấy dễ chịu. Do vậy, mục này không được xem là một biểu hiện của LTÂ mà cha mẹ dành cho con.

Trong dữ liệu của cha, mục BA6 bị loại cho thấy người cha không cố gắng tìm hiểu nỗi đau khổ của con. Bởi vì có thể khi phải đối mặt với đau khổ của con, người cha khó có thể che giấu cảm xúc của chính họ và họ sợ gây đau khổ cho con vì họ không phải là người thành thạo trong xử lí đau khổ (Fisher và cộng sự, 2023). Trong thiết kế ban đầu, mục BA7 được dùng để mô tả sự cởi mở của cha với nỗi đau của con. Nhưng phân tích dữ liệu cho thấy trẻ nhìn nhận hành vi này như là nỗ lực của cha làm giảm nỗi đau. Bởi vì cởi mở với nỗi đau của con trong LTÂ thể hiện sự sẵn sàng đón nhận, lắng nghe những ý kiến, cảm xúc ngay cả khi chúng có sự khác biệt mà không cố gắng áp đặt hay kiểm soát. Trong khi nỗ lực làm dịu nỗi đau tập trung vào hành động có mục đích rõ ràng, bao gồm cả việc vượt qua khoảng cách thế hệ hoặc sự kìm nén, hi sinh những lợi ích của bản thân để có những điều tốt đẹp nhất cho con. Do đó, mục này sẽ phản ánh nỗ lực của cha tốt hơn. Trong dữ liệu của mẹ, mục MA2 đã không được tải về nhân tố nào. Vì sự cởi mở trong LTÂ là không điều kiện nhưng nội dung mục hỏi đã chứa điều kiện "không gây tổn hại". Mục MA7 không ghi nhận việc mẹ "làm những điều để em biết mình vẫn được yêu thương và che chở" là thể hiện LTÂ. Bởi vì có thể hành động này của mẹ khiến trẻ cảm giác sợ hãi bị kiểm soát và khiến chúng mất quyền tự chủ (Gilbert và cộng sự, 2011).

4. Kết luận và bình luận

Nghiên cứu này đã phát triển và kiểm định một số đặc điểm tâm trắc của Thang đo cảm nhận lòng trắc ẩn ở cha mẹ theo phương pháp kết hợp định tính và định lượng trên mẫu HS THCS. Kết quả phân tích cho thấy thang đo đạt độ hiệu lực và độ tin cậy, tính phân tán và tính hội tụ theo các tiêu chuẩn của mô hình đo lường. Do đó, thang đo có thể ứng dụng trong các nghiên cứu về tâm lí và giáo dục.

Mặc dù phân tích thống kê đã thể hiện đặc điểm tâm trắc tốt nhất của PPCS, một số hạn chế vẫn còn tồn tại: *Thứ nhất*, nghiên cứu chỉ lấy mẫu trẻ em độ tuổi từ 12-16 ở khu vực nông thôn trong một thành phố và một tỉnh ở miền Bắc nên việc khái quát kết luận cho các độ tuổi khác và vùng miền khác của Việt Nam cần thận trọng. Do đó, rất cần có nhiều nghiên cứu hơn nữa trên các nhóm trẻ em ở các vùng miền khác hoặc các nghiên cứu trên cùng nhóm đối tượng để kiểm định sự ổn định của thang đo. *Thứ hai*, đây là thang đo về sự cảm nhận chủ quan của con về LTÂ ở cha mẹ thông qua ghi nhận những hành vi của họ, chứ không phải thực sự cha mẹ thể hiện LTÂ như vậy đối với con cái. Công cụ này cũng không đo lường trực tiếp những khía cạnh suy nghĩ hoặc cảm xúc của LTÂ ở cha mẹ, điều mà có thể đo lường chính xác hơn qua cha mẹ tự báo cáo. Tuy nhiên, kết quả của thang đo cho phép nhà lâm sàng hiểu hơn về nhận thức của trẻ và có thể đưa ra những gợi ý cho cha mẹ nên thay đổi cách thể hiện LTÂ theo cách mà con cái có thể cảm nhận như cha mẹ mong đợi.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: *Lê Thị Huyền Trang: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu, Thiết kế phương pháp nghiên cứu, Phân tích dữ liệu, Chỉnh sửa và hoàn thiện bản thảo. Đỗ Thị Oanh: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu, Thiết kế phương pháp nghiên cứu, Thực hiện nghiên cứu và thu thập dữ liệu, Viết bản thảo ban đầu.*
Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: *Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, các tác giả đã sử dụng Gemini Pro để dịch tài liệu tiếng Anh, kiểm tra lỗi chính tả. Các tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về tuyên bố này.*
Tuyên bố về xung đột lợi ích: *Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.*
Thông tin tài trợ: *Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bên ngoài.*

Tài liệu tham khảo

Abdolali, Z., Sepanta, M., & Afshar Zanjani, H. (2020). The Effectiveness of Compassion-Focused Therapy for Parents on Reducing Aggression, Behavioral Problems, and Anxiety in Children. *International Journal of Body, Mind and Culture*, *7*(3), 172-179. https://doi.org/10.22122/ijbmc.v7i3.222

Acar, I. H., & Yalçıntaş, Z. (2026). Dyadic Examination of Children's Emotion Regulation in Family Context: Contributions of Coparenting and Parents' Self-Compassion. *Early Childhood Education Journal*, *54*(2), 953-970. https://doi.org/10.1007/s10643-025-01896-w

Erden, Y., Metin, A., Karakurt, N., & Nacak, U. A. (2025). Development and validation of the perceived compassion scale: A reliable tool for assessing patient-centered nursing care. *BMC Nursing*, *24*(1), 635. https://doi.org/10.1186/s12912-025-03290-8

Fisher, V., Fraser, L., & Taylor, J. (2023). Experiences of fathers of children with a life-limiting condition: A systematic review and qualitative synthesis. *BMJ Supportive & Palliative Care*, *13*(1), 15-26. https://doi.org/10.1136/bmjspcare-2021-003019

Gopika, C., Bhagyashree, H. S., & Shivappa. (2025). The power of parental compassion: Fostering emotional well-being through Samanya-Vishesha Siddhanta. *Samvardhini, 7*(2), 164-172. https://samvardhini.in/samvardhini-admin/article_files/1768460185.pdf

Gilbert, P., Catarino, F., Duarte, C., Matos, M., Kolts, R., Stubbs, J., Ceresatto, L., Duarte, J., Pinto-Gouveia, J., & Basran, J. (2017). The development of compassionate engagement and action scales for self and others. *Journal of Compassionate Health Care*, *4*(1). https://doi.org/10.1186/s40639-017-0033-3

Gilbert, P., McEwan, K., Matos, M., & Rivis, A. (2011). Fears of compassion: Development of three self-report measures. *Psychology and Psychotherapy: Theory, Research and Practice*, *84*(3), 239-255. https://doi.org/10.1348/147608310X526511

Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2019). *Multivariate data analysis*. Cengage Learning.

Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. NXB Hồng Đức.

Hu, L., & Bentler, P. M. (1999). Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives. *Structural Equation Modeling: A Multidisciplinary Journal*, *6*(1), 1-55. https://doi.org/10.1080/10705519909540118

Kaiser, H. F. (1974). An Index of Factorial Simplicity. *Psychometrika*, *39*(1), 31-36. https://doi.org/10.1007/BF02291575

Kariyawasam, L., Ononaiye, M., Irons, C., Stopa, L., & Kirby, S. E. (2021). Views and experiences of compassion in Sri Lankan students: An exploratory qualitative study. *PLoS One*, *16*(11), e0260475. https://doi.org/10.1371/journal.pone.0260475

Kirby, J. N. (2025). Compassion as a transdiagnostic target to reduce mental health symptoms and promote well-being. *Nature Reviews Psychology*, *4*(4), 249-263. https://doi.org/10.1038/s44159-025-00422-4

Lown, B. A., Muncer, S. J., & Chadwick, R. (2015). Can compassionate healthcare be measured? The Schwartz center compassionate care scale™. *Patient Education and Counseling*, *98*(8), 1005-1010. https://doi.org/10.1016/j.pec.2015.03.019

McDonald, B., & Kanske, P. (2023). Gender differences in empathy, compassion, and prosocial donations, but not theory of mind in a naturalistic social task. *Scientific Reports*, *13*(1), 20748. https://doi.org/10.1038/s41598-023-47747-9

Metin, A., Karakurt, N., Erden, Y., & Nacak, U. A. (2025). Perceived Compassion Scale: A Scale Development Study. *Archives of Health Science and Research*, *12*, 1-9. https://doi.org/10.5152/ArcHealthSciRes.2025.24102

Muris, P., Bongers, K., Schenning, C., Meesters, C., & Otgaar, H. (2022). Self-compassion correlates of anxiety and depression symptoms in youth: A comparison of two self-compassion measures. *Children*, *9*(12), 1930. https://doi.org/10.3390/children9121930

Olivari, M. G., Wahn, E. H., Maridaki-Kassotaki, K., Antonopoulou, K., & Confalonieri, E. (2015). Adolescent Perceptions of Parenting Styles in Sweden, Italy and Greece: An Exploratory Study. *Europe's Journal of Psychology*, *11*(2), 244-258. https://doi.org/10.5964/ejop.v11i2.887

Oliveira, S., Rosado, A., Cunha, M., & Ferreira, C. (2022). The compassionate coach scale as perceived by the athlete: Development and initial validation in Portuguese athletes. *International Journal of Sport and Exercise Psychology*, *20*(3), 794-812. https://doi.org/10.1080/1612197X.2021.1907763

Sousa, R., Castilho, P., Vieira, C., Vagos, P., & Rijo, D. (2017). Dimensionality and gender-based measurement invariance of the Compassion Scale in a community sample. *Personality and Individual Differences*, *117*, 182-187. https://doi.org/10.1016/j.paid.2017.06.003

Strauss, C., Taylor, B. L., Gu, J., Kuyken, W., Baer, R., Jones, F., & Cavanagh, K. (2016). What is compassion and how can we measure it? A review of definitions and measures. *Clinical Psychology Review*, *47*, 15-27. https://doi.org/10.1016/j.cpr.2016.05.004